

Số: 176 /TB-BV
V/v yêu cầu báo giá thuốc, VTYT,
hóa chất, dụng cụ y tế.

Yên Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Cung cấp một số loại thuốc, vật tư y tế, hóa chất, dụng cụ y tế trong khi chờ kết quả đấu thầu tập chung tại Sở Y tế và của đơn vị năm 2023 để phục vụ công tác khám, chữa bệnh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
- Mai Thị Nga; Khoa Dược. Số điện thoại : 0976.076.970
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Đơn vị nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh.
Địa chỉ: Tổ 6 thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang
- Nhận qua email: duoc.dkkvym@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10h ngày 15 tháng 8 năm 2023 đến trước 10h ngày 25 tháng 08 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 25 tháng 08 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất.

(Theo phụ lục I đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp lắp đặt: Tại Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh.
3. Thời gian dự kiến giao hàng: Quý III năm 2023
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào Tài khoản của Bên bán tại ngân hàng của Bên Bán. Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu trên cơ sở khối lượng hàng hóa cung cấp.

- Điều kiện thanh toán và thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán cho Bên bán trong vòng 60 ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục mua bán theo quy định (hóa đơn, biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa và các giấy tờ liên quan khác theo quy định hiện hành).

- Đồng tiền thanh toán theo Hợp đồng: Việt Nam đồng.

5. Mẫu báo giá: Theo Phụ lục 2

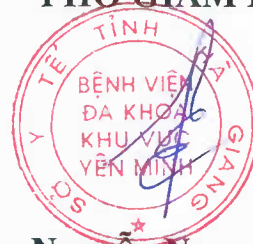
Rất mong sự hợp tác của Quý đơn vị!

Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh xin trân trọng thông báo. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng website;
- Ban giám đốc BV;
- Lưu: Hồ sơ mời thầu KT, KD, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thức

Phụ lục I

PHỤ LỤC YÊU CẦU BẢO GIÁ

(kèm theo thông báo số/HB/TB – BV ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bệnh viện ĐKKV Yên Minh)

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1. 1	Hóa chất định lượng Albumin	- Thành phần hoạt chất: Citrate buffer pH 4.2: 30 mmol/L; Bromocresol green: 0.26 mmol/L - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x 50 mL / hộp	Hộp	3
2.	Hóa chất định lượng Creatinine	- Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Sodium Hydroxide: 0.2 mol/L Hóa chất R2: Picric Acid: 20 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8x50mlR1, 8x12,5mlR2	Hộp	3
3.	Hóa chất định lượng GOT	- Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Tris pH 7.8: 110 mmol/L; L-Aspartate: 340 mmol/L; MDH: 0.5 kU/L; LDH: 1.1 kU/L Hóa chất R2: 2-Oxoglutarate: 85 mmol/L; NADH: ≥ 1 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x50mlR1, 4x12,5mlR2	Hộp	4
4.	Hóa chất định lượng GPT	- Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Tris, pH 7.5: 138 mmol/L; L-Alanine: 709 mmol/L; LDH: 1500 U/L Hóa chất R2: 2-Oxoglutarate: 85 mmol/L; NADH: ≥ 1 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x50mlR1, 4x12,5mlR2	Hộp	4
5.	Hóa chất định lượng Ure UV	- Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Tris buffer pH 7.8: 150 mmol/L; 2-oxoglutarate: 9 mmol/L; ADP: 0.75 mmol/L; Urease: ≥ 7 KU/L; GLDH (Glutamate dehydrogenase, bovine): ≥ 1 KU/L Hóa chất R2: NADH: 1.3 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8x50mlR1, 8x12,5ml R2	Hộp	3
6.	Hóa chất định	- Thành phần hoạt chất:	Hộp	1

TIN
BỆNH
ĐA K
KHU
YÊN

	lượng Uric Acid	<p>Hóa chất R1: Phosphate buffer pH 7.0 : 100 mmol/L; TBHBA: 1.25 mmol/L; Hóa chất R2: Phosphate buffer pH 7.0 : 100 mmol/L; 4-Aminoantipyrine: 1.5 mmol/L; K4-[Fe(CN)6]: 50 μmol/L; POD: ≥ 10 kU/L; Uricase: ≥ 150 U/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8x50ml R1, 8x12,5ml R2</p> <p>- Thành phần: MES buffer pH 6.00: 100 mmol/L, Sodium chloride: 350 mmol/L, Calcium Acetate: 6 mmol/L, Potassium thiocyanate: 900 mmol/L, CNP-G3: 2.27 mmol/L - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p> <p>- Thành phần hoạt tính: Sodium Sulfate Anhydrous 3.0 - 5.5g/L; Sodium Chloride 7.5 - 11.5g/L; Anti-fungal and Anti-bacterial Agents 1.0 - 3.0g/L Polyoxyethylene Ester 0.3 - 1.5g/L - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - Đóng gói: Can 5,5 lít</p>		
7.	Hóa chất định lượng Alpha Amylase	<p>- Thành phần hoạt tính: Quarternary Ammonium Salts <50g/L; Nonion Surfactant <15g/L; Isopropanol 0.1-1.5ml/L; Ethanol <1.5ml/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Đóng gói: Chai 500 ml</p>	Hộp	2
8.	Dung dịch hệ thống	<p>- Thành phần hoạt tính: Quarternary Ammonium Salts <50g/L; Nonion Surfactant <15g/L; Isopropanol 0.1-1.5ml/L; Ethanol <1.5ml/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Đóng gói: Chai 500 ml</p>	Can	3
9.	Dung dịch ly giải hồng cầu	<p>- Thành phần hoạt tính: Quarternary Ammonium Salts <50g/L; Nonion Surfactant <15g/L; Isopropanol 0.1-1.5ml/L; Ethanol <1.5ml/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Đóng gói: Chai 500 ml</p>	Chai	3
10.	Hóa chất định lượng Glucose	<p>- Thành phần hoạt chất: Phosphate buffer pH 7.5: 250 mmol/L; Phenol: 5 mmol/L; 4-Aminoantipyrine: 0.5 mmol/L; Glucose Oxidase (GOD): ≥ 10 kU/L; Peroxidase (POD): ≥ 1 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8 x 50ml</p>	Hộp	3
11.	Hóa chất định lượng Triglycerides	<p>- Thành phần hoạt chất: Good's buffer pH 7.2: 50 mmol/L; 4 Chlorophenol: 4 mmol/L; Mg2+: 15 mmol/L; ATP: 2 mmol/L; Glycerolkinase (GK): ≥ 0.4 kU/L; Peroxidase (POD): ≥ 2 kU/L; Lipoprotein lipase (LPL): ≥ 2 kU/L; 4-Aminoantipyrine: 0.5 mmol/L; Glycerol-3-phosphate-oxidase (GPO): ≥ 0.5 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8 x 50ml</p>	Hộp	1
12.	Hóa chất định lượng Cholesterol	<p>- Thành phần hoạt chất: Good 's buffer pH 6.7 : 50 mmol/L; Phenol: 5 mmol/L; 4-Aminoantipyrine : 0.3 mmol/L; Cholesterol esterase (CHE) : ≥ 200 U/L; Cholesterol oxidase (CHO): ≥ 50 U/L; Peroxidase (POD) : ≥ 3 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8 x 50ml</p>	Hộp	1

13.	Hóa chất định lượng Direct Bilirubin	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hoạt chất: R1 / Sulfanilic Acid: 32.2 mmol/L, R2 / Sodium Nitrite: 109 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x50ml R1, 4x12,5mlR2 - Thành phần hoạt chất: 	Hộp	1
14.	Hóa chất định lượng Total Bilirubin	<ul style="list-style-type: none"> Thuốc thử R1: Sulfanilic Acid: 32.2 mmol/L; Ethylene Glycol; Dimethylsulfoxide (DMSO) Thuốc thử R2: Sodium Nitrite: 22 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x50ml R1, 4x12,5ml R2 - Thành phần hoạt chất: Citrate buffer pH 4.2: 30 mmol/L; Bromocresol green: 0.26 mmol/L - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x 50 mL / hộp - Thành phần hoạt chất: 	Hộp	1
15.	Hóa chất định lượng Albumin	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 4x 50 mL / hộp - Thành phần hoạt chất: 	Hộp	3
16.	Hóa chất định lượng Creatinine	<ul style="list-style-type: none"> Hóa chất R1: Sodium Hydroxide: 0.2 mol/L Hóa chất R2: Picric Acid: 20 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Đóng gói: Hộp 8x50mlR1, 8x12,5mlR2 	Hộp	3
17.	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, Li	<ul style="list-style-type: none"> Pack EasyLyte Na / K / Cl / Ca / Li Solutions Pack sử dụng cho việc xác định định lượng của các ion Natri (Na +), Kali (K +), Clorua (Cl-), Canxi (Ca ++), và Lithium (Li +) trong huyết thanh, huyết tương người, máu toàn phần và nước tiểu (kết quả nước tiểu chỉ có thông số Na +, K + và Chi Cl-) bằng máy xét nghiệm điện giải EasyLyte expand. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl-; 1.25 mmol/L Ca++; 1.00 mmol/L Li+; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl-; 2.50 mmol/L Ca++; 0.40 mmol/L Li+; Buffer Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 80mL. 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container 	Bộ	3
Tổng số: 17 khoản				



Phụ Lục II

Tên công ty:.....
 Địa chỉ:
 Điện thoại.....Mã số thuế.....
 Số tài khoản.....tại ngân hàng.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngàytháng.....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))